TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2024
V/v*: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tưởng
2. Bà Mai Thị Tiếp

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX- ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21 ngày 18/01/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 60A/ 03/270 đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 60A/ 03/270 đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở: Số nhà 65 đường B, H, phường H1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm H trình bày:

Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại số nhà 60A/ 03/270 đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, đến khoảng tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm cách sống hai vợ chồng khác nhau nên

thường va chạm cãi chửi nhau Mâu thuẫn đã được cả hai vợ chồng đã trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình hai bên nội ngoại đã dàn xếp nhiều lần nhưng vợ chồng hòa thuận thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên 8/2023 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở số nhà 65, đường B, Hàm L, phường H, thành phố T ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 05/12/2015, cháu Phạm Bảo C, sinh ngày 29/6/2018. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Quân, chị Ngọc trực tiếp nuôi cháu C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2023 bị đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Hùng trình bày, chị và anh H kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng số nhà 60A/ 03/270 đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của hai người trái ngược nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 8/2023 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai có trách nhiệm đến ai. Nay anh P có đơn ly hôn quan điểm của chị là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung như anh H trình bày. Ly hôn chị cũng đồng ý anh H trực tiếp nuôi cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 05/12/2015, chị trực tiếp nuôi cháu Phạm Bảo C, sinh ngày 29/6/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Thanh Hóa cung cấp: Anh H và chị N là công dân ở phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, quá trình anh chị sinh sống ở địa phương hạnh phúc đến năm 3023 thì địa phương được biết anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết, đến tháng 8/2023 chị N và con gái Phạm Bảo C về nhà bố mẹ đẻ ở tại số nhà 65 đường B, H, phường H1, thành phố T, nay anh H làm đơn ly hôn chị N, địa phương mong muốn anh chị suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ, nếu anh chị cương quyết ly hôn thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật .

Tại phiên tòa anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về Pháp luật tố tụng dân sự

Việc tuân theo Pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên Tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung đề nghị Tòa án xem xét theo thỏa thuận của anh H và chị N, anh H phải nộp án phí theo quy định Pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Phạm H và chị Lê Thị N là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ Số nhà 60A/ 03/270 đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Đối với bị đơn chị Lê Thị N đã nhân được thông báo thụ lý vụ án và nộp cho tòa bản tự khai ngày 06/11/2023 trình bày ý kiến của mình về việc anh Phạm Hùng có đơn khởi kiện ly hôn. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho chị N nhưng chị N vắng mặt không chấp hành theo thông báo của Tòa án.Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Lê Thị N lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt. Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị N là phù hợp với quy định Pháp luật.

{2}Về hôn nhân: Anh Phạm H và chị Lê Thị N kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của hai người trái ngược nhau, vợ chồng không có niềm tin với nhau, anh chị cũng đã cố gắng nhiều nhưng tình cảm không cải thiện được, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết trong bản tự khai chị N có trình bày ý kiến cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn quá trình vợ

chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nay anh Hùng có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, chị N cũng xét thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn anh H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 05/12/2015, cháu Phạm Bảo C, sinh ngày 29/6/2018 anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Q và đề nghị tòa án giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, tại bản tự khai của chị Ngọc ngày 06/11/2023 chị N cũng đồng ý như đề nghị của anh H. Nguyện vọng nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các cháu, mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Q ở với anh H, cháu C ở cùng chị N, do đó việc giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Q, chị N trực tiếp nuôi cháu Phạm Bảo C là hoàn toàn phù hợp với quy định Pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình giải quyết anh H và chị N có ý kiến mỗi người nuôi một cháu và không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

{4} **Về tài sản và nợ chung**: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{5} **Về án phí***:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, anh Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: cho anh Phạm H được ly hôn chị Lê Thị N

Về con: Công nhận cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 05/12/2015, cháu Phạm Bảo C, sinh ngày 29/6/2018 là con chung của anh H và chị N. Giao cháu Phạm Anh Q cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Bảo C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H, chị N có quyền trông nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh H chị N không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Anh H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số 0002827 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (anh H đã nộp đủ)

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Anh Hùng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngọc có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hoa